TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1194**/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 25/12/2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Lệ Uyên
Ông Nguyễn Chí Cao

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 122/2017/TLPT-HNGĐ ngày 20/10/2017 về tranh chấp ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1283/2017/HNGĐ-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2750/2017/QĐ-PT ngày 17/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 7197/2017/ QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Long S, sinh năm 1966 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy H, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Phường Y, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Tuấn A - Văn phòng luật sư Phạm Tuấn A - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Long H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Thùy H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn là ông Nguyễn Long S trình bày:

Ông và Bà Nguyễn Thị Thùy H tự nguyện chung sống vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Z, quận B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyền số 01/1995 ngày 18/12/1995. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không có sự tôn trọng nhau, bà H hay ghen tuông vô cớ làm ảnh hưởng uy tín danh dự của ông vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, từ năm 2015 đến nay hai bên sống ly thân, tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Ông và bà H có 2 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D (nữ), sinh ngày 09/11/1996, đã trưởng thành và Nguyễn Thị Ngọc C (nữ), sinh ngày 24/8/2003. Nếu ly hôn ông đồng ý giao trẻ Ngọc C cho mẹ là bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Theo bị đơn là Bà Nguyễn Thị Thùy H trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của ông S về việc kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Ông bà chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2015 thì mâu thuẫn nhau do ông S có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài; Vì con và hạnh phúc gia đình bà đã nhẫn nhịn và cho ông S cơ hội sửa đổi do đó vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Hiện ông S đang sống với người phụ nữ đó, chỉ thỉnh thoảng mới về nhà thăm con, bà biết ông S không còn tình cảm với mình nhưng muốn gia đình đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn.Về con chung bà thống nhất nhận nuôi con tên Ngọc C và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con như ông S trình bày.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1283/2017/HNGĐ-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Long S được ly hôn với Bà Nguyễn Thị Thùy H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 01/1995 do Ủy ban nhân dân phường 7 quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/12/1995 hết hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D sinh ngày 09/11/1996, đã trưởng thành và Nguyễn Thị Ngọc C sinh 24/8/2003. Giao bà H trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thực hiện cấp dưỡng từ tháng 9/2017 đến khi cháu Châu đến tuổi trưởng thành.

3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: không có.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ với con sau khi ly hôn, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 22/9/2017, bà H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông S không rút đơn khởi kiện, bà H không rút đơn kháng cáo.

- Luật sư Phạm Tuấn A là người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà H trình bày: Bà H ông S chung sống với nhau không xảy ra xung đột, mâu thuẫn gì, thể hiện qua lời khai của bà H và xác minh của tòa sơ thẩm về tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi ông bà chung sống; việc ông S bỏ nhà đi chỉ là viện cớ để tạo ra lý do ly hôn, theo luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ cùng chung sống với nhau nên ông S phải về chung sống với bà H, nếu mâu thuẫn xảy ra thì mới ly hôn; Mặt khác bà H còn thương ông S nên mong muốn đoàn tụ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu ly hôn của ông S.

- Người kháng cáo là Bà Nguyễn Thị Thùy H, đồng thời là bị đơn trong vụ án trình bày: vợ chồng bà chung sống không có mâu thuẫn gì, thỉnh thoảng có giận nhau nhưng mỗi lần giận nhau thì chỉ im lặng chứ không cãi vã, xô xát gì nhau.Từ tháng 8 năm 2015 đến nay ông S bỏ nhà đi nơi khác ở, bà không biết hiện nay ông S đang sống ở đâu vì vậy hai vợ chồng sống ly thân đến nay. Thỉnh thoảng ông S có về nhà thăm con thì bà có gặp ông, lúc gặp nhau hai bên có hỏi thăm sức khỏe của nhau, ngoài ra không nói chuyện gì khác.Bà muốn xin ông S quay về nhưng ngại nên có nhờ các con nói chyện với ông S nhưng ông S không trả lời; khi tòa án quận G tổ chức hòa giải bà có ngỏ lời xin ông quay về nhưng ông không đồng ý. Bà còn thương ông nên sẽ chờ đợi ngày ông quay về chứ không đồng ý ly hôn. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm về con chung, tài sản chung, nợ chung thì bà thống nhất không có ý kiến gì. Ngoài ra, bà cung cấp cho tòa án lời khai của ba người làm chứng là lời khai của con chung Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Thị Ngọc C và bà Nguyễn Thị Long H, là em gái ông S để chứng minh bà và ông S không có mâu thuẫn. Về mức cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng thì ông bà có thỏa thuận với nhau, bà cũng không ý kiến gì về vấn đề này.

- Nguyên đơn là ông Nguyễn Long S vắng mặt tại phiên tòa.Tại bản khai ngày 08/12/2017, ông S yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người làm chứng là bà Nguyễn Thị Long H vắng mặt, có bản khai ngày 20/12/2017 trình bày: bà là em của ông S, theo bà thì ông S bà Thùy H chung

sống không có mâu thuẫn, ông S có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, gia đình đã khuyên giải ông S quay về nhưng không có kết quả.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung kháng cáo: ông S bà H có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông S xin ly hôn bà H vì vợ chồng mâu thuẫn nhau từ năm 2013 do bất đồng quan điểm sống, bà H không tôn trọng ông, làm mất danh dự uy tín của ông dẫn đến hai bên sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Bà H thì cho rằng ông S ngoại tình nhưng không có chứng cứ nào để chứng minh, bà thừa nhận tháng 8/2015 ông S bỏ nhà đến nơi khác ở và vợ chồng ly thân đến nay nhưng bà còn thương ông S nên không đồng ý ly hôn. Nhận thấy mâu thuẫn giữa ông S bà H diễn ra đã lâu không giải quyết được, tình cảm vợ chồng cần phải có sự tự nguyện từ hai phía để xây dựng gia đình hạnh phúc, nay ông S xác định tình cảm không còn, thực tế cả hai ông bà đã sống ly thân hơn hai năm nay, bà H muốn đoàn tụ nhưng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn lại quan hệ vợ chồng do đó bản án sơ thẩm xử cho ông S được ly hôn với bà H là có căn cứ. Tuy nhiên bản án sơ thẩm tính án phí về việc cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng là không chính xác, án phí đúng là 300.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà H, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: đơn kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Thùy H làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng:

Ngày 04/12/2017 Bà Nguyễn Thị Thùy H yêu cầu hoãn phiên tòa phúc thẩm ngày 08/12/2017 để mời người làm chứng Nguyễn Thị Long H và hai con chung là Ngọc D, Ngọc C có bản khai trình bày ý kiến; Do việc bà Thùy H mời người làm chứng sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử nên quyết định đưa vụ án ra xét xử không có tên người làm chứng; trẻ Ngọc C sinh ngày 24/8/2003 hiện nay chưa đủ tuổi trưởng thành do đó nhận thức, đánh giá về mức độ mâu thuẫn của cha mẹ chưa thể đầy đủ và đúng đắn, theo luật bà Thùy H vẫn là đại diện đương nhiên; con chung là Ngọc D sinh năm 1996 hiện đã trưởng

thành tuy nhiên hiện hai con đều đang sống chung với bà Thùy H nên việc làm chứng là không đảm bảo tính khách quan; không thể xác định hai con chung là người làm chứng trong trường hợp này. Do đó, chỉ còn 01 người làm chứng là bà Nguyễn Thị Long H.

Ông Nguyễn Long S vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, trước đó ông S đã có lời khai tại tòa sơ thẩm và bản khai ngày 08/12/2017 xác định yêu cầu của mình trong vụ án này nên việc ông S vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án; Người làm chứng là bà Nguyễn Thị Long H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có bản khai ngày 20/12/2017 trình bày nội dung làm chứng, bà Thùy H không yêu cầu bà Long Hương phải có mặt tại phiên tòa, xét thấy việc vắng mặt của bà Long Hương không ảnh hưởng gì việc giải quyết vụ án; căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông S và bà Long Hương.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Theo trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án thì ông S bà H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường 7, quận B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 01/1995 ngày 18/12/1995 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông S trình bày thì ông và bà H phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 do không hòa hợp tính tình, quan điểm sống, bà hay ghen tuông vô cớ làm ảnh hưởng uy tín của ông, không tôn trọng ông dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn, đã sống ly thân nhau từ năm 2015, nay ông không còn tình cảm với bà H nên xin ly hôn.

Phía bà Thùy H và người làm chứng Nguyễn Thị Long H, cho biết ông S có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, gia đình đã khuyên nhủ nhưng ông không nghe. Bà Thùy H thừa nhận từ tháng 8/2015 đến nay ông S và bà sống ly thân nhau (hai vợ chồng không thỏa thuận về việc sống ly thân), con chung là trẻ Ngọc C hiện đang theo học tại trường học do ông S làm lãnh đạo quản lý, bà vẫn thường xuyên đến trường đưa đón con đi học, tuy nhiên từ ngày ông S bỏ nhà đi thì bà không đến tìm gặp ông lần nào, thỉnh thoảng ông S về nhà thăm con rồi đi ngay, những lúc đó thì bà có gặp ông nhưng cả hai người không còn quan tâm hỏi han gì nhau mà chỉ nói chuyện xã giao như hai người quen; bà đã từng nhờ đến các con khuyên ông quay về và bản thân đã trực tiếp nói việc này với ông S tại phiên hòa giải của Tòa án quận G nhưng ông S không đồng ý; vợ chồng bà có lúc giận nhau, nhưng lúc giận thì chỉ im lặng không nói chuyện với nhau chứ không gây ồn ào, xô xát, vì thế xác minh tại địa phương không thể biết được tình trạng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vì vậy lời khai của bà Thùy H và ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà Thùy H, lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị Long H mà bà Thùy H cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm để chứng

minh giữa hai vợ chồng bà Thùy H ông S không có mâu thuẫn gì là không có cơ sở.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông S đến tham gia phiên tòa xử phúc thẩm vụ án ly hôn giữa ông S và bà Thùy H trên cơ sở yêu cầu kháng cáo của bà H nhưng ông S xin vắng mặt không tham gia, chứng tỏ không còn tha thiết chuyện hàn gắn lại quan hệ vợ chồng; Luật Hôn nhân và Gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy với nhau, thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cùng chung sống với nhau nhưng nay ông S tự ý bỏ đi dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2015 đến nay cho thấy ông S đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, làm cho mâu thuẫn giữa hai bên kéo dài từ 2013 đến nay không giải quyết được, làm cho mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Bà H muốn đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp nào khả dĩ cải thiện được quan hệ giữa bà và ông S, tình cảm nếu có còn chỉ đơn phương từ một phía bà H, không có sự tự nguyện của ông S để cùng bà H xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bản án sơ thẩm cho ông S được ly hôn bà H là có cơ sở chấp nhận..

Về con chung: các đương sự thống nhất như án sơ thẩm, không có yêu cầu gì nên không xét.

Về tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: do các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn ông S phải chịu, theo quy định pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con, ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng nên án sơ thẩm chỉ tính 150.000 đồng là chưa chính xác, cần điều chỉnh lại theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 296, Điều 306, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

* Về hình thức: chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn là Bà Nguyễn Thị Thùy H về mặt hình thức.

* Về nội dung: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Bà Nguyễn Thị Thùy H. Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1283/2017/HNGĐ-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Long S.

- Về quan hệ vợ chồng: ông Nguyễn Long S được ly hôn với Bà Nguyễn Thị Thùy H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 01/1995 ngày 18/12/1995 của Ủy ban nhân dân Phường 7, quận B không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông S bà H có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D sinh ngày 09/11/1996, đã trưởng thành và Nguyễn Thị Ngọc C sinh 24/8/2003. Giao bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Thị Ngọc C, ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thực hiện cấp dưỡng từ tháng 9/2017 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

2.Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng ông S chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018225 ngày

10/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông S còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0027452 ngày 27/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận G;
- TAND quận G;
- UBND Phường 7, quận B;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/18).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương